

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2018/DSST**
Ngày 30 tháng 5 năm 2018
V/v: Tranh chấp HN&GD

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Quỳnh
2. Ông Vũ Hồng Khâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị S - sinh năm 1991

Trú tại: xóm 1 - xã H - huyện Y - tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: làm ruộng (có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Đình T - sinh năm 1985

Trú tại: xóm 1 - xã H - huyện Y - tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng (vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 20/1/2018, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Tạ Thị S trình bày: Chị và anh Lê Đình T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn

vào 01/3/2011, tại Ủy ban nhân dân xã H - huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã, thậm chí xúc phạm, xô xát lẫn nhau. Từ đó dẫn đến hai bên mâu thuẫn trầm trọng. Tình trạng này thường xuyên lặp đi lặp lại và kéo dài chị không thể chịu đựng được chị đòi mang con về ngoại ở nhưng đằng nội không cho vì vậy chị buộc phải về một mình. Chị và anh T cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và đã sống ly thân. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Anh Q - sinh ngày 15/10/2012 và Lê Đình C - sinh ngày 11/11/2014. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị Tạ Thị S không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Đình T quá trình giải quyết. Tòa án đã triệu tập họp lệ các bên đương sự để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 08/02/2018, tại buổi làm việc này sau khi Tòa án giải thích các quy định pháp luật và yêu cầu anh T viết bản tự khai, nhưng trong bản tự khai anh T ghi không đầy đủ (anh T đều thừa nhận vợ chồng kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký như chị S trình bày nhưng anh cho rằng vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, các con còn nhỏ nên anh không nhất trí ly hôn mặt khác vì anh không nhất trí ly hôn nên về con chung và tài sản anh không yêu cầu giải quyết).

Xét thấy bản tự khai của anh T chưa rõ ràng, đầy đủ Tòa án yêu cầu lấy lời khai của anh T để lập biên bản ghi lời khai bổ sung nhưng anh T không chấp nhận, anh T đã tự ý bỏ ra về vì vậy Tòa án không thể tiến hành lập biên bản về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự được. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc đương sự không hợp tác lưu tại hồ sơ vụ án và xác nhận của đại diện Viện kiểm sát. Sau đó Tòa án tiếp tục triệu tập họp lệ nhiều lần cho các bên đương sự nhưng anh T không chấp hành, chỉ có chị S chấp hành. Do đó Tòa án căn cứ vào bản tự khai, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có tại hồ sơ và qua biên bản xác minh tại xóm, xã thì tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên giữa chị Tạ Thị S, anh Lê Đình T để làm thủ tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của chị Tạ Thị S tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân & Gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, yêu cầu chị S, anh T có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh T không có mặt. Vì vậy Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 11/5/2018 chị S có mặt, anh T vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt các văn bản tố tụng phiên tòa lần thứ hai cho các bên đương sự tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

2. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị S, anh T là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế thì thấy rằng cuộc sống chung của vợ chồng thời gian gần đây không được hạnh phúc, mâu thuẫn liên tục xảy ra, thực sự căng thẳng và hết sức trầm trọng; hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa. Mặc dù anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng anh không nhất trí ly hôn vì các con còn quá nhỏ, nhưng trên thực tế chị S, anh T đã sống ly thân và không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau nữa. Điều này phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ, phù hợp với biên bản xác minh thực trạng hôn nhân và con chung chưa thành niên của vợ chồng được xóm, xã xác nhận. Trên cơ sở đó xác định tình cảm vợ chồng không còn gắn kết với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị S yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: Chị S, anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

- Về quan hệ tài sản: Chị S, anh T không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

***Về án phí:** Chị Tạ Thị S phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 2 điều 227, điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56 của luật Hôn Nhân và Gia đình;

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Tạ Thị S được ly hôn anh Lê Đình T.

- **Án phí:** Căn cứ vào khoản 4, điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc chị Tạ Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của chị Oanh được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành (Biên lai thu tiền số: 0006791, ngày 29 tháng 01 năm 2018), chị S đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Tạ Thị S, vắng mặt anh Lê Đình T. Tuyên bố để các bên đương sự biết, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các bên Đương sự.
- VKSND H. Yên Thành
- THADS H. Yên Thành
- TAND tỉnh.
- UBND xã H
- Lưu HS

(đã ký)

Lê Thị Nhung